

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT, TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/DS-ST

Ngày: 10/01/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH BT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Kh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang S và bà Nguyễn Thị T.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Vĩnh Ng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh BT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh BT tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Kim Tr – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT.. (vắng mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm T, sinh năm: 1966. Địa chỉ: 435 đường Nguyễn Huệ, khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt).

+ Ông Bùi Thanh H, sinh năm: 1970 Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh H và chị Nguyễn Thị Ngọc A: Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:

Ngày 30/5/2020, bà Trần Thị V có vay của bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền: 120.000.000đồng với lãi suất 3%/tháng nhưng bà L ghi nhầm là 0,3%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng, tính từ ngày vay tiền. Nhưng khi đã hết thời hạn vay theo thoả thuận đến nay thì bà Trần Thị V vẫn chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị Xuân L. Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Xuân L yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Trần Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L với tổng số tiền 138.000.000đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 120.000.000đồng và tiền lãi là 18.000.000đồng). Tuy nhiên, đến ngày 28 tháng 6 năm 2021 thì bà L xin rút phần yêu cầu tính lãi 18.000.000đồng; Chỉ bà Trần Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền nợ gốc là 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa ngày 14/12/2021, bà Nguyễn Thị Xuân L yêu cầu bà Trần Thị V và ông Phạm T phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền nợ gốc là 120.000.000đồng. Đồng thời, bà L cho rằng trong số tiền 120.000.000đồng mà bà cho bà V vay là tiền chung của vợ chồng bà cùng với sự góp vốn của con dâu là Nguyễn Thị Ngọc A. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021 và ngày 06/01/2022, bà Nguyễn Thị Xuân L xin thay đổi yêu cầu nêu trên và xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu, chỉ buộc bà Trần Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L với số tiền 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà Trần Thị V không đến Tòa án và tại Công văn số: 01/XM-CATT của Công an Thị trấn Tân Minh ngày 31/8/2021 đã xác định bà Trần Thị V có hộ khẩu số 302 tại khu phố 2, thị trấn Tân Minh, huyện HT, tỉnh BT. Tuy nhiên, bà Trần Thị V đã bỏ đi khỏi địa phương vào khoảng tháng 6/2020 cho đến nay mà không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2021 và ngày 23/12/2021, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 28 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa ngày 14/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm T trình bày: Việc vay mượn giữa bà Trần Thị V (vợ của ông) với bà Nguyễn Thị Xuân L thì ông không biết. Ông T chỉ biết là khoảng tháng 6 - 7/2020 thì bà V tự bỏ nhà đi. Sau khi có nhiều người đến đòi nợ thì ông mới biết là vợ ông đã trốn nợ. Ngoài bà L ra thì vợ ông còn nợ nhiều người khác nữa nhưng ông chỉ nghe nói chứ ông không biết. Trước đây thì bà V làm nghề buôn bán rau quả ở chợ Tân Minh, còn ông chạy xe chở hàng kiếm sống; Bà V không hề nói cho ông biết việc vay mượn tiền của ai và làm gì nên ông không biết. Thực tế thì bà V vẫn sống bình thường, không mua sắm gì cho bản thân hay gia đình cho đến khi bỏ đi và ông không liên lạc được. Khi nhiều người đến đòi nợ thì ông mới nghe nói là bà V vay tiền của bên này để trả nợ bên kia cho đến lúc không trả nổi thì bỏ trốn. Ông cam đoan không biết việc vay nợ của bà V nên ông không chịu trách nhiệm về các khoản nợ vay của bà V.

Ngày 22/12/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh H và chị Nguyễn Thị Ngọc A đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân L thay mặt ông H và chị A tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời khai của các đương sự cũng như tại phiên tòa ngày 14/12/2021, đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L với tổng số tiền 120.000.000đồng.

Về án phí đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án: Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Thanh H và chị Nguyễn Thị Ngọc A đã có văn bản ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân L thay mặt ông H và chị A tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan trong vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại địa phương đã xác định bà Trần Thị V đã bỏ đi khỏi địa phương vào khoảng tháng 6/2020 cho đến nay mà không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương nhằm che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện theo quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Ngày 30/5/2020, bà Trần Thị V có vay của bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền: 120.000.000đồng với lãi suất 0,3%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng, tính từ ngày vay tiền nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán tiền vay cho bà Nguyễn Thị Xuân L. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân L về việc buộc bà Trần Thị V phải trả cho bà

Nguyễn Thị Xuân L số tiền là 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ để chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ngày 14/12/2021, bà Nguyễn Thị Xuân L xin rút phần yêu cầu tính lãi 18.000.000đồng. Xét việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Xuân L đã xác định số tiền mà bà đã cho Trần Thị V vay để giải quyết việc riêng của bà Vy nên bà chỉ kiện bà V, không yêu cầu ông Phạm T - là chồng bà V phải trả nợ nêu trên. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân L.

1/ Buộc bà Trần Thị V phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền là 120.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Bà Trần Thị V phải chịu 6.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.450.000đồng theo biên lai thu số 0006798 ngày 28/4/2021 của chi cục thi hành án dân sự huyện HT.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7^a,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Kh

